

Số: 96/TB-MNTTH4

Cú Chi, ngày 07 tháng 5 năm 2024

THÔNG BÁO

**Về việc công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục của Trường
Mầm Non Tân Thông Hội 4 (theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT)
Cuối Năm học 2023 - 2024**

1. Thời gian: Lúc 10 giờ 00 phút ngày 07/5/2024

2. Địa điểm: Trường Mầm non Tân Thông Hội 4 - ấp Tân Tiến

3. Thành phần:

Bà: Võ Hoài Thu, chức vụ: Hiệu trưởng

Bà: Nguyễn Thị Xuân Mai, chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Bà: Mai Thị Hà, chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Bà: Trần Thụy Vi Linh, Đại diện: Chủ tịch công đoàn .

Bà: Hồ Thị Thanh , chức vụ: Tổ trưởng văn phòng.

Bà: Trương Thị Kim Ngân , chức vụ: Tổ trưởng Lá.

Bà: Trần Vũ Thu Hiền, chức vụ: Tổ trưởng Mầm, Chồi.

2. Nội dung:

Lập biên bản thông báo niêm yết công khai: Thông báo công khai cam kết chất lượng giáo dục của Trường Mầm Non Tân Thông Hội 4 năm học 2023-2024 (theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT)

Đồng chí Phó Hiệu trưởng phân công giáo viên: Hồ Thị Thanh, thực hiện nhiệm vụ: Dán niêm yết công khai trên bản tin.

Đồng chí: Danh Thị Thu Trang thực hiện chuyển văn bản qua thư điện tử và cổng thông tin điện tử trường mầm non Tân Thông Hội 4, gồm:

- Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Kế hoạch số: 481/KH-MNTTH4 ngày 05 tháng 9 năm 2023 của trường mầm non Tân Thông Hội 4 về triển khai quy chế công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Các biểu mẫu công khai đính kèm.

5. Thời gian, địa điểm niêm yết công khai:

Thời gian: 30 ngày, kể từ ngày 07 tháng 5 năm 2024 đến hết ngày 07 tháng 6 năm 2024.

Địa điểm: Trường mầm non Tân Thông Hội 4.

- Công khai: Rộng rãi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động nhà trường được biết.

- Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về cho Bà: Hồ Thị Thanh, Tổ trưởng văn phòng Trường mầm non Tân Thông Hội 4.

Biên bản được lập xong lúc 11 giờ 30 phút, ngày 07 tháng 5 năm 2024. /.

**TM. BCH CÔNG ĐOÀN
TRƯỜNG MN TÂN THÔNG HỘI 4**

CHỦ TỊCH



Trần Thụy Vi Linh

**TM. BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG**



Võ Hoài Thu

NGƯỜI NIÊM YẾT

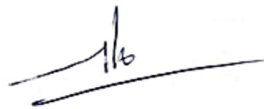
Hồ Thị Thanh

	Trẻ em mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh	trẻ	213
	Trẻ em mẫu giáo được ăn bán trú:	trẻ	203
	- Trong đó: Mẫu giáo 5-6 tuổi được ăn bán trú	trẻ	93
	Trẻ em mẫu giáo khuyết tật	trẻ	0
	Trẻ em mẫu giáo khuyết tật được hòa nhập	trẻ	0
3.3	Thống kê về trẻ em 5 - 6 tuổi		
	Trẻ em 5 - 6 tuổi trong độ tuổi (PCGD)	trẻ	107
	Trẻ em 5 - 6 tuổi đến trường, lớp tại trường 2023-2024	trẻ	103
	Trẻ em 5 - 6 tuổi được học 2 buổi/ngày	trẻ	103
	Trẻ em 5 - 6 tuổi được ăn bán trú	trẻ	93
3.4	Trẻ em nhà trẻ được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng	trẻ	0
	Trẻ nhà trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	trẻ	0
	Trẻ nhà trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	trẻ	0
	Trẻ nhà trẻ thừa cân, béo phì	trẻ	0
3.5	Trẻ em mẫu giáo được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng	trẻ	213
	Trẻ mẫu giáo suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	trẻ	0
	Trẻ mẫu giáo suy dinh dưỡng thể thấp còi	trẻ	0
	Trẻ mẫu giáo thừa cân, béo phì	trẻ	0
3.6	Trẻ em được hưởng chính sách		0
	Trẻ em mẫu giáo được hưởng chính sách hỗ trợ ăn trưa (Quy định tại Điều 7 - Nghị định số 105/2020/NĐ-CP)	trẻ	0
	Trẻ em mầm non được hưởng chính sách trợ cấp đối với con công nhân KCN (Quy định tại Điều 8 - Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và áp dụng theo Nghị quyết HĐND tỉnh)	trẻ	0
IV.	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên	người	25
4.1	Tổng số cán bộ quản lý	người	3
	Tổng số cán bộ quản lý trong biên chế	người	3
	Số cán bộ quản lý đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên	người	3
	- Hiệu trưởng đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên	người	1
	- Phó Hiệu trưởng đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên	người	2
	Số cán bộ quản lý có trình độ đào tạo trên chuẩn	người	3
	- Hiệu trưởng đạt chuẩn trình độ đào tạo Đại học	người	1
	- Phó Hiệu trưởng đạt chuẩn trình độ đào tạo Thạc sĩ	người	0
4.2	Tổng số giáo viên	người	17
	Tổng số giáo viên trong biên chế	người	17
	Tổng số giáo viên hợp đồng	người	0
1.2.1	Tổng số giáo viên Nhà trẻ	người	0
	Số giáo viên Nhà trẻ đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên	người	0
	Số giáo viên Nhà trẻ có trình độ đào tạo trên chuẩn	người	0
	- Giáo viên Nhà trẻ đạt chuẩn trình độ đào tạo Đại học	người	0
	- Giáo viên Nhà trẻ đạt chuẩn trình độ đào tạo Thạc sĩ	người	0

	Số giáo viên Nhà trẻ chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo	người	0
	Số giáo viên Nhà trẻ chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo đang theo học	người	0
4.2.2	Tổng số giáo viên Mẫu giáo	người	17
	Số giáo viên Mẫu giáo đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên	người	17
	Số giáo viên Mẫu giáo có trình độ đào tạo trên chuẩn	người	13
	'- Giáo viên Mẫu giáo đạt chuẩn trình độ đào tạo Đại học	người	13
	'- Giáo viên Mẫu giáo đạt chuẩn trình độ đào tạo Thạc sĩ	người	0
	Số giáo viên Mẫu giáo chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo	người	0
	Số giáo viên Mẫu giáo chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo đang theo học	người	0
4.3	Tổng số nhân viên	người	5
	Kế toán	người	1
	Y tế	người	1
	Văn Thư	người	0
	Thủ quỹ	người	0
	Bảo vệ	người	2
	Cấp dưỡng	người	0
	Phục vụ	người	1
	Nhân viên có văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn	người	0
	Nhân viên chưa có văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn	người	3
4.4	Người nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	người	0
	Đại học sư phạm mầm non trở lên	người	0
	Cao đẳng sư phạm mầm non	người	0
	Trung cấp sư phạm mầm non	người	0
	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm mầm non	người	0
	Chưa có văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn	người	0
V	Tổng số phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em	phòng	11
5.1	Tổng số phòng		11
	Phòng kiên cố	phòng	11
	Phòng bán kiên cố	phòng	0
	Phòng tạm	phòng	0
	Phòng nhờ, mượn	phòng	0
	Tổng số phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em có khu vệ sinh khép kín	phòng	11
5.2	Tổng số phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật	phòng	0
	Tổng số phòng đa năng	phòng	0
	Tổng số phòng giáo dục thể chất	phòng	0
	Tổng số phòng giáo dục nghệ thuật	phòng	0
5.3	Khối phòng tổ chức ăn		1

	Tổng số nhà bếp	nhà bếp	1
	Tổng số kho bếp	kho bếp	0
5.4	Tổng số trường có khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	trường	1
	Tổng số điểm trường có khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	điểm	1
5.6	Tổng số trường có sân chơi	trường	1
	Số trường có sân chơi riêng (lắp đặt các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định)	trường	1
	Tổng số điểm trường có sân chơi	điểm	3
	Số điểm trường có sân chơi riêng (lắp đặt các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định)	điểm	2
	Tổng số điểm trường có sân chơi	điểm	3
	Số trường có thiết bị, đồ chơi ngoài trời tối thiểu theo quy định	trường	1
	Số nhóm, lớp có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định	nhóm, lớp	9
	Tổng số lớp 5 - 6 tuổi có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định	lớp	4
VI.	Tổng số đơn vị cấp xã	xã	
	Số đơn vị cấp xã đạt chuẩn PCGDMNTST	xã	1
	Tổng số đơn vị cấp huyện	huyện	0
	Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn PCGDMNTST	huyện	0
	Số đơn vị cấp huyện có KCN	huyện	0

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)



Mai Thị Hà

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)



Võ Hoài Thu